

Số: 1687 /SGDĐT-KHTC

An Giang, ngày 26 tháng 9 năm 2019

V/v hướng dẫn xây dựng dự toán
ngân sách nhà nước năm 2020 và kế
hoạch tài chính - ngân sách nhà nước
03 năm 2020 - 2022

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường THCS và THPT, THPT;
- Hiệu trưởng trường Trẻ em Khuyết tật;
- Giám đốc Trung tâm GDTX tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN); Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP (gọi tắt là Thông tư số 342/2016/TT-BTC); Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (gọi tắt là Thông tư số 69/2017/TT-BTC);

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2020;

Trong thời gian chờ Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2020, để đảm bảo tiến độ tổng hợp dự toán 2020 gửi Sở Tài chính theo quy định; Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tạm thời công tác đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2019, xây dựng dự toán NSNN năm 2020 và lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 – 2022 cụ thể như sau:

I. Căn cứ để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN năm 2019, xây dựng dự toán NSNN năm 2020 và lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 – 2022:

- Các Nghị quyết của Chính phủ: số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2019, số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021;

- Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: số 31/CT-TTg ngày 08/11/2018 về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành pháp luật về NSNN; số 09/CT-TTg ngày 01/4/2019 về các giải pháp tập trung tháo gỡ cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng 6 tháng và cả năm 2019 và số 07/CT-TTg ngày

05/3/2018 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020;

- Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 – 2020, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 – 2020 và dự toán ngân sách địa phương (NSĐP) năm 2019; Quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp về giao dự toán và phân bổ NSĐP năm 2019,...

- Thông tư 119/2018/TT-BTC ngày 5/12/2018 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2019;

- Tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính - NSNN 03 năm 2016 - 2018; 6 tháng đầu năm 2019, dự báo và giải pháp phấn đấu hoàn thành dự toán NSNN năm 2019 đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

II. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2019:

1. Về thu NSNN:

1.1. Các đơn vị dự toán:

- Căn cứ dự toán thu phí, lệ phí, thu phạt, thu dịch vụ sự nghiệp công được Sở Giáo dục và Đào tạo giao đầu năm và tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm, đánh giá kết quả thực hiện thu trong năm 2019 theo từng nội dung thu (tổng thu, số nộp ngân sách nhà nước, số được để lại sử dụng theo chế độ). Nguyên nhân thu đạt, không đạt để làm cơ sở dự toán thu năm 2020 phù hợp với thực tế phát sinh. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách quản lý thu trong thời gian tới.

- Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí, Luật Xử phạt vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan (gồm: số thu phí được để lại, số thu phí nộp NSNN và kết quả thực hiện số thu phí được để lại với số đã thực hiện chi trong năm ngân sách, số còn dư đến hết năm 2019 (nếu có); các khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí).

1.2. Căn cứ kết quả thực hiện năm 2019 nêu trên, đề nghị các đơn vị báo cáo đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2016 – 2019 so với mục tiêu, kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020. Những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách quản lý thu trong thời gian tới.

2. Về chi ngân sách:

2.1. Đối với các đơn vị dự toán:

a) Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2019 theo từng lĩnh vực chi được giao (kể cả các nhiệm vụ phát sinh đột xuất ngoài dự toán theo chủ trương của cơ quan có thẩm quyền).

b) Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ:

- Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế.

- Kết quả thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 39-NQ/TW năm 2019 và kết quả thực hiện năm 2016 – 2019, trong đó chi tiết: Số giảm biên chế, giảm đầu mối tổ chức bộ máy; Số kinh phí dành ra được do giảm biên chế, giảm tổ chức bộ máy; Số kinh phí phải bố trí từ NSNN để thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP.

- Hiệu quả thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm và tổng hợp lũy kế từ khi thực hiện đến hết năm 2019 chi tiết theo từng mục tiêu, từng năm (báo cáo số lượng đơn vị được phân loại theo mức độ tự chủ; số lượng biên chế của khu vực sự nghiệp theo từng mức độ tự chủ; số biên chế hưởng lương từ ngân sách và từ nguồn của từng lĩnh vực). Tác động của việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao khả năng tự chủ đến NSNN theo từng lĩnh vực, từng năm, số kinh phí NSNN giảm do chuyển đổi loại hình tự chủ theo quy định.

c) Đánh giá tình hình đảm bảo kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương:

- Báo cáo biên chế, quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo mức lương 1.390.000 đồng/tháng (gồm: phần quỹ lương do NSNN đảm bảo; quỹ lương từ nguồn thu của đơn vị đảm bảo), trong đó ghi chú: phần quỹ lương được đảm bảo từ nguồn chi quản lý bộ máy và nguồn khoán chi; phần quỹ lương trả cho đối tượng có hệ số lương ngạch bậc từ 1,86 trở xuống.

- Nhu cầu kinh phí thực hiện điều chỉnh tiền lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (gọi là Nghị định 38/2019/NĐ-CP).

- Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện điều chỉnh tiền lương năm 2019, cụ thể: Nguồn năm 2018 còn thừa (nếu có); tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ; tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2019 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ).

d) Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện cả năm 2019, thực hiện đánh giá lũy kế tình hình kết quả triển khai thực hiện giai đoạn 2016 - 2019 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020. Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ có mục tiêu, kế hoạch triển khai diễn ra trong giai đoạn 2016 - 2020, đánh giá chi tiết từng chương trình, dự án và số lũy kế đã thực hiện năm 2016 - 2019, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

2.2. Việc chi thường xuyên:

- Đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi 9 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2019 được Sở Giáo dục và Đào tạo giao, kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ,... của đơn vị; những khó khăn, vướng mắc.

- Đánh giá kết quả thực hiện tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ và các nghị định của Chính phủ về cơ chế tự chủ trong các lĩnh vực sự nghiệp cụ thể; Kết quả thực hiện tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW; trong đó chi tiết số đơn vị thực hiện, số biên chế giảm do sắp xếp, kinh phí NSNN giảm do thực hiện chính sách trong năm 2019 và giai đoạn 2016 - 2019.

- Đánh giá tình hình thực hiện đối với từng chính sách an sinh xã hội: có báo cáo cụ thể đối tượng (trong đó chi tiết đối với hộ nghèo thu nhập, nghèo đa chiều đối với từng tiêu chí thiếu hụt dịch vụ cơ bản), nhu cầu kinh phí và nguồn thực hiện chính sách năm 2019 (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính theo quy định).

- Công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện cả năm 2019, thực hiện đánh giá lũy kế tình hình kết quả thực hiện 2016 - 2019 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020. Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ có mục tiêu, kế hoạch triển khai diễn ra trong giai đoạn 2016 - 2020, đánh giá chi tiết từng quyết định giao nhiệm vụ, tổng kinh phí, phân kỳ thực hiện từng năm 2016 - 2020, số lũy kế đã thực hiện năm 2016 - 2019, những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

III. Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020:

Năm 2020 là năm cuối triển khai thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu giai đoạn 05 năm giai đoạn 2016 - 2020; là năm quyết định việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu đề ra.

Dự toán NSNN năm 2020 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật; bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và giai đoạn 2016 - 2020 của ngành, địa phương. Việc xây dựng dự toán thu, chi NSNN năm 2020 phải theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý thu, chi ngân sách; trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán NSNN, các chế độ chính sách theo quy định; quán triệt chủ trương triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán.

Các đơn vị dự toán căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị và ước thực hiện các khoản thu phí, lệ phí, thu phạt, thu sự nghiệp và thu khác năm 2019, xây dựng dự toán thu năm 2020 sát với tình hình thu thực tế tại đơn vị.

✎ **Lưu ý:** Đối với các khoản thu dịch vụ sự nghiệp công (không thuộc danh mục thu phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không phải là chỉ tiêu giao

dự toán thu, chi ngân sách nhà nước. Các đơn vị không tổng hợp chung vào dự toán thu phí, lệ phí thuộc NSNN nhưng phải lập dự toán riêng và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát theo quy định. Các đơn vị dự toán và các địa phương tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ nguồn thu này và các khoản thu khác được để lại chi để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

IV. Lập kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2020 - 2022:

1. Yêu cầu lập kế hoạch:

a) Thực hiện đúng quy định của Luật NSNN, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ, Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính và giả định tiếp tục thực hiện các quy định tại thời kỳ ổn định ngân sách 2017 – 2020.

b) Căn cứ kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021 đã được rà soát, cập nhật vào thời điểm ngày 31/3/2019, các trần chi tiêu giai đoạn 2020 - 2022 do cơ quan tài chính, kế hoạch và đầu tư thông báo; các cơ quan và đơn vị cấp tỉnh xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022 theo hướng dẫn tại các văn bản nêu trên.

c) Việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán NSNN năm 2020.

2. Lập kế hoạch thu NSNN:

a) Kế hoạch thu NSNN 03 năm 2020 - 2022 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2019 - 2021; dự toán thu NSNN năm 2020 và mức tăng trưởng thu dự kiến năm 2021 và năm 2022. Tỷ lệ tăng trưởng thu dự kiến cho giai đoạn 2020 - 2022 được xác định theo đúng chính sách, chế độ thu NSNN hiện hành, đồng thời tính đến các yếu tố:

- Khả năng phát triển kinh tế của tỉnh, từng ngành nghề, lĩnh vực và địa phương trong năm 2020, dự kiến năm 2021 - 2022, các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế.

- Tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.

b) Đối với các khoản thu phí, lệ phí nộp ngân sách và để lại chi theo quy định, các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương căn cứ số dự kiến thu năm 2020 để xây dựng kế hoạch thu năm 2021 - 2022 phù hợp, tích cực, cụ thể theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số được để lại chi theo chế độ chi tiết các lĩnh vực chi tương ứng, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần phí, lệ phí nộp NSNN.

c) Đối với các khoản thu học phí, dịch vụ sự nghiệp không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ không thuộc nguồn thu NSNN, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và địa phương lập kế hoạch thu và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định.

3. Lập kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm 2020 – 2022 của các đơn vị dự toán:

Các cơ quan, đơn vị lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022 theo đúng quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính. Cần lưu ý một số nội dung:

a) Kế hoạch chi NSNN 03 năm 2020 - 2022 của các đơn vị được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2019 - 2021, số ước thực hiện năm 2019, trần chi ngân sách giai đoạn 2020 - 2022 do cơ quan có thẩm quyền thông báo. Trong đó, thuyết minh cụ thể các nhu cầu chi tăng, giảm gắn với việc thay đổi cơ chế, chính sách theo các chủ trương, phê duyệt của cấp thẩm quyền; các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) đã hết thời gian thực hiện/mới được phê duyệt.

b) Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2020, các đơn vị xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới tại đơn vị mình năm dự toán 2020 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi đầu tư phát triển, nhu cầu chi thường xuyên trong kế hoạch chi giai đoạn 2021 – 2022.

V. Tổ chức thực hiện:

1. Về biểu mẫu lập báo cáo:

a) Đối với dự toán ngân sách nhà nước năm 2020:

Các đơn vị lập dự toán đối với các nội dung liên quan theo các biểu số: Biểu kèm theo Phụ lục số 02 (Dự toán thu, chi NSNN năm 2020); Phụ lục 2.1 (Dự toán thu, chi phí, lệ phí và hoạt động dịch vụ năm 2020); Phụ lục kèm theo Biểu số 2.2 (Dự toán thu, chi phí, lệ phí và hoạt động dịch vụ năm 2020) quy định tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC kèm theo Công văn này.

b) Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022:

Các đơn vị dự toán lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2020 - 2022 theo các biểu số: 01, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 28 quy định tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính gửi Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Yêu cầu khi gửi báo cáo dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022:

a) **Hình thức báo cáo:** Các đơn vị gửi báo cáo dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 - 2022 về Sở Giáo dục và Đào tạo bằng văn bản (có ký tên đóng dấu của lãnh đạo) trực tiếp cho

đ/c Hồ Công Hiện - Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở GDĐT, đồng gửi tệp văn bản vào địa chỉ mail hientc@angiang.edu.vn.

b) Thời gian gửi báo cáo: Trước ngày 11/10/2019, để Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo Sở Tài chính, trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính đúng thời gian quy định.

Trên đây là hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020 – 2022, yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị thực hiện tốt nội dung công văn này. Trong quá trình thực hiện, có vấn đề gì chưa rõ, vui lòng liên hệ Sở GDĐT (Phòng Kế hoạch - Tài chính, điện thoại 0296.3857796, email: phongkhtc@angiang.edu.vn) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT, KH-TC.

GIÁM ĐỐC

Trần Thị Ngọc Diễm